

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm.

Ông Nguyễn Văn Thảo

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Minh Trường - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH K; địa chỉ: Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 4, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; nơi cư trú: xã N, tỉnh Quảng Ngãi; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH B; địa chỉ: Thửa đất số 23, Tờ bản đồ số 32, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lu Min H, sinh năm 1994, chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2024, Công ty TNHH K có bán hàng là sản phẩm tổ ong cho bên mua là Công ty TNHH B. Việc mua bán không ký hợp đồng, bên bán căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Theo đó Công ty TNHH K cung cấp hàng hoá cho Công ty TNHH B và Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo. Thanh toán kể từ ngày xuất hoá đơn.

Theo biên bản xác nhận công nợ đến tháng 11/2024 do nguyên đơn xác lập, công nợ là 2.326.030.219 đồng, cụ thể theo các Hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã xuất cho bị đơn, gồm:

Hóa đơn số 288 ngày 26/04/2024 số tiền 345.788.654 đồng (đã thanh toán 86.402.678 đồng), còn nợ 259.385.976 đồng.

Hóa đơn số 401 ngày 31/05/2024 số tiền 338.732.129 đồng.

Hóa đơn số 509 ngày 30/06/2024 số tiền 371.125.012 đồng.

Hóa đơn số 644 ngày 08/08/2024 số tiền 166.801.172 đồng.

Hóa đơn số 723 ngày 31/08/2024 số tiền 784.800.306 đồng.

Hóa đơn số 839 ngày 30/09/2024 số tiền 237.968.766 đồng.

Ngoài ra, còn 02 đợt giao hàng tháng 10/2024 với số tiền hàng là 65.707.200 đồng và tháng 11/2024 với số tiền hàng là 15.106.980 đồng, nguyên đơn mới có phiếu giao hàng nhưng chưa xuất hóa đơn.

Bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 86.402.678 đồng tại Hóa đơn số 288 ngày 26/04/2024. Số tiền còn lại là 2.239.627.541 đồng chưa thanh toán.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán, nhưng bị đơn trốn tránh và cố tình không trả nợ. Sau đó thì được biết bị đơn đã không còn hoạt động tại địa chỉ mà nguyên đơn thường đến giao hàng, người đại diện của bị đơn không còn liên hệ được và ngắt mọi liên lạc với nguyên đơn.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là 2.239.627.541 đồng và lãi tạm tính là 241.461.552 đồng. Tổng gốc và lãi là 2.481.089.093 đồng.

Ngày 22/9/2025, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu thanh toán số tiền 80.814.180 đồng của 02 đợt giao hàng tháng 10/2024 với tháng 11/2024, lý do chưa xuất hoá đơn giá trị gia tăng đối với 02 đợt giao hàng này. Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 2.158.813.361 đồng, lãi là 286.305.831 đồng (gồm: Hóa đơn 288 (04/2024): $259.385.976 \times 1\% \times 16 \text{ tháng} = 41.501.756$ đồng; Hóa đơn 401 (05/2024): $338.732.129 \times 1\% \times 15 \text{ tháng} = 50.809.819$ đồng; Hóa đơn 509 (06/2024): $371.125.012 \times 1\% \times 14 \text{ tháng} = 51.957.502$ đồng; Hóa đơn 644 (08/2024): $166.801.172 \times 1\% \times 13 \text{ tháng} = 21.684.152$ đồng; Hóa đơn 723 (08/2024): $784.800.306 \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 94.176.037$ đồng; Hóa đơn 839 (09/2024): $237.968.766 \times 1\% \times 11 \text{ tháng} = 26.176.564$ đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho Công ty TNHH B, triệu tập nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH B không có mặt, không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 80.814.180 đồng của 02 đợt giao hàng tháng 10/2024 với tháng 11/2024.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền 2.445.119.192 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 2.158.813.361 đồng, lãi là 286.305.831 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở chính tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán đối với số tiền 80.814.180 đồng của 02 đợt giao hàng tháng 10/2024 với tháng 11/2024. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên được chấp nhận theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn không ký kết hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng mua bán hàng hóa, việc mua bán hàng hóa được trao đổi qua điện thoại, nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hoá theo yêu cầu của bị đơn và đã xuất các hoá đơn đúng với số lượng hàng hoá đã giao. Nguyên đơn căn cứ vào

các hóa đơn giá trị gia tăng đã cung cấp cho Tòa án để yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ.

Theo các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp bao gồm các hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất cho bị đơn, gồm: Hóa đơn số 288 ngày 26/04/2024 số tiền 345.788.654 đồng; Hóa đơn số 401 ngày 31/05/2024 số tiền 338.732.129 đồng; Hóa đơn số 509 ngày 30/06/2024 số tiền 371.125.012 đồng; Hóa đơn số 644 ngày 08/08/2024 số tiền 166.801.172 đồng; Hóa đơn số 723 ngày 31/08/2024 số tiền 784.800.306 đồng; Hóa đơn số 839 ngày 30/09/2024 số tiền 237.968.766 đồng. Tổng số tiền là 2.245.216.039 đồng (Bị đơn đã thanh toán số tiền 86.402.678 đồng đối với Hóa đơn số 288 ngày 26/04/2024). Ngoài ra, còn có các Đơn giao hàng, Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, Sao kê tài khoản ngân hàng.

Như vậy, có căn cứ cho rằng thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có việc mua bán hàng hóa với nhau. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 của Luật Thương Mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 2.158.813.361 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày xuất hoá đơn. Theo Điều 306 của Luật Thương mại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào mức lãi suất bình quân lãi suất của ba ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần thương tín Sài Gòn, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thì mức lãi suất 1%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất là 1%/tháng, cụ thể: Hóa đơn 288 (04/2024): $259.385.976 \times 1\% \times 16 \text{ tháng} = 41.501.756$ đồng; Hóa đơn 401 (05/2024): $338.732.129 \times 1\% \times 15 \text{ tháng} = 50.809.819$ đồng; Hóa đơn 509 (06/2024): $371.125.012 \times 1\% \times 14 \text{ tháng} = 51.957.502$ đồng; Hóa đơn 644 (08/2024): $166.801.172 \times 1\% \times 13 \text{ tháng} = 21.684.152$ đồng; Hóa đơn 723 (08/2024): $784.800.306 \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 94.176.037$ đồng; Hóa đơn 839 (09/2024): $237.968.766 \times 1\% \times 11 \text{ tháng} = 26.176.564$ đồng. Tổng lãi 286.305.831 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Công ty TNHH K phải chịu và đã nộp đủ.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc yêu cầu thanh toán số tiền 80.814.180 đồng của 02 đợt giao hàng tháng 10/2024 với tháng 11/2024.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K với bị đơn Công ty TNHH B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền là 2.445.119.192 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu một trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi hai đồng), bao gồm: Tiền nợ gốc là 2.158.813.361 đồng, lãi là 286.305.831 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Công ty TNHH K phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH B phải chịu 80.902.384 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH K số tiền 40.811.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm mười một nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003314 ngày 14/7/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan